

Quyết định số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 15/12/2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành lập ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 38/2017/TLST- DS ngày 12/5/2017 về việc “ *Kiện đòi tài sản*”; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1928 (đã chết);
Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: P9 3106 Times City, 25/13 L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của chị T:

Luật sư Dương Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH T, số 59, ngõ 193 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội;

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H:

1. Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 190c, đường H, Phường Thụy K, Quận T, thành phố Hà Nội;

2. Bà Nguyễn Thị An T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 28/19 L, Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

3. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 107 đường B, Phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

4. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 47 nhà C, khu DA, 86 Lê Trọng T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội;

5. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 20, ngõ 13, khối 7, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

6. Bà Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số 72 khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

7. Chị Nguyễn Thị Như Trang, sinh năm 1989 (đã là Nguyên đơn trong vụ án);

Ông S, bà T, bà N, bà L, ông D, bà H cùng ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Như T;

Bị đơn: Ông Nguyễn Như O, sinh năm 1953;

Anh Nguyễn Như B (Nguyễn Như T) – tên do Nguyên đơn khởi kiện ghi theo Chứng minh thư nhân dân được cấp - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố Y, Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1952 (vợ ông O);
 2. Chị Nguyễn Minh N, sinh năm 1975 (con gái ông O);
 3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vợ anh B);
- Cùng địa chỉ: Khu phố Y, Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;
Ông O, anh T, chị N cùng ủy quyền cho: Ông Vương Hữu K, sinh năm 1949;
Địa chỉ: Chợ S, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1928 (đã chết);

Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: P9 3106 Times City, 25/13 L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của chị T:

Luật sư Dương Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH T, số 59, ngõ 193 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội;

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H:

1. Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 190c, đường H, Phường T, Quận T, thành phố Hà Nội;

2. Bà Nguyễn Thị An T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 28/19 L, H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

3. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 107 đường Bà T, Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

4. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 47 nhà C, khu DA, 86 L, phường K, quận T, thành phố Hà Nội;

5. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 20, ngõ 13, khối 7, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số 72 khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

7. Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989 (đã là Nguyên đơn trong vụ án);

Ông S, bà T, bà N, bà L, ông D, bà H cùng ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Như T;

Bi đơn: Ông Nguyễn Như O, sinh năm 1953;

Anh Nguyễn Như T (ghi theo yêu cầu của đương sự theo căn cước công dân được cấp), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố Y, Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1952 (vợ ông Oánh);
2. Chị Nguyễn Minh N, sinh năm 1975 (con gái ông Oánh);
3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vợ anh Bảo);

Cùng địa chỉ: Khu phố Y, Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

Ông Oánh, anh Tuấn, chị Nguyệt cùng ủy quyền cho: Ông Vương Hữu K, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Chợ S, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Như T được quyền sử dụng diện tích đất 127,7m²; Địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Có tứ cận:

Phía Bắc giáp đường đi;

Phía Nam giáp đường đi;

Phía Đông giáp đất gia đình ông Nguyễn Như T;

Phía Tây giáp đường đi.

Là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 6P, diện tích 102m² (theo tài liệu lập năm 1995), cũng là thửa đất số 200, diện tích 109m² (theo tài liệu lập năm 2012); Trong số diện tích 127,7m² theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thể hiện: Có 102m² là diện tích có nguồn gốc do lịch sử để lại và diện tích đã được sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993. Diện tích còn lại 25,7m², anh T có quyền sử dụng và được quyền đề nghị với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trên đất có các tài sản gồm: Tài sản của vợ chồng anh T, chị T là 01 nhà ở cấp 4 và 01 nhà bếp. Tài sản của chị Nguyễn Minh N (chị gái của anh T) là 01 nhà 02 tầng. Chị N tiếp tục sử dụng tài sản là nhà ở 02 tầng đã xây dựng (nằm trên diện tích 34,5m² đất).

2.2. Anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trích trả giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Như T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H (gồm bà H, anh S, chị T, chị N, chị L, anh D, chị T) với số tiền là: 650.000.000đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Do chị T là Nguyên đơn và là Người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H sẽ nhận. Xác nhận chị T, anh T và chị T đã giao nhận đủ số tiền trên.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng. Chị T, ông H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2013/02989 ngày 11/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh.

Chị T tự nguyện chịu chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và thẩm định giá tài sản là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Chị T đã nộp đủ số tiền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh BN;*
- *VKSND TP, tỉnh;*
- *Chi cục THA TPTS;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phong